

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

PVIRe

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 35

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020)
Ông Lâm Nhật Sơn	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Nga	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020)
Ông Trương Minh Đức	Thành viên
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Alexander Nicolai Neumann	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020)
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Giám đốc Khối Kinh doanh 1
Ông Nguyễn Hồng Long	Giám đốc Khối Kinh doanh 2
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	Giám đốc Khối Hoạt động
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Số: 012 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 7 năm 2020, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2018-001-1
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 31 tháng 7 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		3.757.748.015.917	3.584.440.925.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	32.132.283.617	85.314.786.197
1. Tiền	111		32.132.283.617	45.314.786.197
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	956.959.000.000	628.591.800.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		956.959.000.000	628.591.800.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		589.448.664.543	589.356.922.010
1. Phải thu khách hàng	131	6	593.678.979.929	593.211.761.902
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		532.183.415.021	558.436.630.845
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		61.495.564.908	34.775.131.057
2. Phải thu ngắn hạn khác	135		1.527.051.694	2.915.171.207
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(5.757.367.080)	(6.770.011.099)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		181.917.952.463	190.865.285.078
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	181.917.952.463	190.865.285.078
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		180.725.843.001	190.389.421.394
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1.192.109.462	475.863.684
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	15	1.997.290.115.294	2.090.312.132.103
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		438.641.731.607	440.249.447.078
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.558.648.383.687	1.650.062.685.025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		741.192.634.149	905.247.077.790
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218		8.000.000.000	8.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	8.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		2.186.889.046	3.517.966.280
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	889.188.207	1.181.386.048
Nguyên giá	222		8.398.451.385	8.398.451.385
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.509.263.178)	(7.217.065.337)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.297.700.839	2.336.580.232
Nguyên giá	228		23.375.313.000	23.375.313.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.077.612.161)	(21.038.732.768)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	708.548.450.000	870.915.650.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		708.548.450.000	870.915.650.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		22.457.295.103	22.813.461.510
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	22.457.295.103	22.813.461.510
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.498.940.650.066	4.489.688.003.178

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		3.629.304.713.391	3.629.431.282.492
I. Nợ ngắn hạn	310		3.629.304.713.391	3.629.431.282.492
1. Phải trả cho người bán	312	11	661.208.734.158	595.216.052.044
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		611.814.506.580	540.886.842.175
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		49.394.227.578	54.329.209.869
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	9.694.985.621	7.089.826.031
3. Phải trả người lao động	315		5.087.773.202	1.059.293.080
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	113.636.140.337	117.928.126.700
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		109.942.688.592	116.351.340.192
4.2. Các khoản phải trả khác	319.2		3.693.451.745	1.576.786.508
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	1.849.600.000	-
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.692.870.086	5.621.337.080
7. Dự phòng nghiệp vụ	329	15	2.830.134.609.987	2.902.516.647.557
7.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1		708.246.391.181	734.435.883.240
7.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2		2.024.093.483.128	2.077.690.153.098
7.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		97.794.735.678	90.390.611.219
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		869.635.936.675	860.256.720.686
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	869.635.936.675	860.256.720.686
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		728.000.000.000	728.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		43.467.345.367	39.608.038.763
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		98.168.591.308	92.648.681.923
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.498.940.650.066	4.489.688.003.178

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	936.416	1.205.750
Bảng Anh	GBP	8.479	22.587
Euro	EUR	28.104	15.595


Vi Ngọc Sơn
Người lập biểu


Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởng


Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ TỔNG HỢP

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	424.255.586.848	370.727.679.373
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	58.117.400.800	76.626.731.486
3. Thu nhập khác	13	-	45.912.000
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	366.442.105.512	315.268.527.363
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	11.051.868.557	6.301.673.974
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	12.541.654.222	13.987.558.884
7. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23)	50	92.337.359.357	111.842.562.638
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16.846.644.605	19.374.040.215
9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	1.849.600.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	73.641.114.752	92.468.522.423
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	931	1.270

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)	01	17	825.551.858.731	724.821.036.294
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		799.362.366.672	900.474.341.587
- (Giảm)/Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		(26.189.492.059)	175.653.305.293
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)	02	18	554.165.933.523	481.114.975.116
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		552.558.218.052	579.716.378.974
- (Giảm)/Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(1.607.715.471)	98.601.403.858
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		271.385.925.208	243.706.061.178
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	04		152.869.661.640	127.021.618.195
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		142.958.573.586	120.375.733.976
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		9.911.088.054	6.645.884.219
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10		424.255.586.848	370.727.679.373
6. Chi bồi thường	11		306.714.306.600	332.409.642.631
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		217.848.722.131	231.796.590.761
8. Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		(53.596.669.970)	267.504.538.209
9. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(91.414.301.338)	255.629.035.679
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	19	126.683.215.837	112.488.554.400
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		7.404.124.459	9.622.738.879
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)	17	20	232.354.765.216	193.157.234.084
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		205.265.894.425	171.673.931.451
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		27.088.870.791	21.483.302.633
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		366.442.105.512	315.268.527.363

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		57.813.481.336	55.459.152.010
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	21	58.117.400.800	76.626.731.486
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	22	11.051.868.557	6.301.673.974
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		47.065.532.243	70.325.057.512
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	12.541.654.222	13.987.558.884
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	30		92.337.359.357	111.796.650.638
20. Thu nhập khác	31		-	45.912.000
21. Lợi nhuận khác (40=31)	40		-	45.912.000
22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		92.337.359.357	111.842.562.638
23. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25,1	16.846.644.605	19.374.040.215
24. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25,2	1.849.600.000	-
25. Lợi nhuận sau thuế thu nhập của doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		73.641.114.752	92.468.522.423
26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	931	1.270


Vi Ngọc Sơn
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởngTrịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí, hoa hồng và bồi thường	01	403.442.602.777	266.538.028.807
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	5.285.038.922	5.479.386.101
3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(27.115.148.952)	(31.169.194.965)
4. Trả tiền phí bảo hiểm, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(187.217.690.525)	(172.140.147.654)
5. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(14.239.835.350)	(21.269.018.896)
6. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(13.667.690.331)	(11.028.210.785)
7. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(19.237.175.713)	(20.070.610.512)
8. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.506.114.862)	(1.156.495.946)
9. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(6.589.821.972)	(6.450.189.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	139.154.163.994	8.733.546.354
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	234.000.000.000	235.600.000.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	23.752.263.930	24.135.000.413
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(400.000.000.000)	(254.000.000.000)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	-	(636.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(142.247.736.070)	5.098.100.413
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền lãi đã trả cho nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(50.309.318.220)	(50.303.192.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.309.318.220)	(50.303.192.220)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(53.402.890.296)	(36.471.545.453)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	85.314.786.197	76.903.236.252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	220.387.716	120.257.893
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	32.132.283.617	40.551.948.692


Vi Ngọc Sơn
Người lập biểu


Ngô Thanh Hải
Kế toán trưởng


Trịnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020